

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 105/2024/HSST
Ngày: 26/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Như Lữ.

2. Ông Lò Văn Điện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Công Hoàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 100/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lò Văn N (không có tên gọi khác), sinh năm 1992 tại tỉnh Điện Biên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: bản P, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ văn hóa: 09/12; con ông Lò Văn Á, sinh năm 1934 và bà Lò Thị P (đã chết). Hiện đang sống chung như vợ chồng với chị Cà Thị P, sinh năm 1992 và có 01 người con sinh năm 2014; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa bị xét xử, chưa bị xử phạt hành chính; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/3/2024 đến ngày 21/3/2024 tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Thu H, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

Người có nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lò Văn N1, sinh năm 1966, địa chỉ: bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

+ Ông Tòng Văn T, sinh năm 1979, địa chỉ: bản P, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ ngày 14/3/2024 Lò Văn N mua được 01 gói Heroine và 12 viên Methamphetamine được gói bằng mảnh nilon màu trắng với giá 1.000.000 đồng của một người đàn ông dân tộc Mông tên là Vàng A S, ở bản P, xã P, huyện

Đ. Sau đó N cất giấu số ma túy vừa mua được vào trong túi quần bên phải đang mặc trên người rồi đi bộ vào trong rừng, tại đây N lấy một ít Heroine ra sử dụng rồi ở lại trong rừng đến khoảng 18 giờ cùng ngày rồi đi bộ quay về nhà. Về đến nhà N lấy cục Heroine ra dùng tay bẻ thành 12 cục nhỏ rồi lấy mảnh nilon màu trắng gói 11 cục Heroine lại, còn 01 cục Heroine dùng mảnh nilon màu hồng gói lại. Đối với 12 viên Methamphetamine dùng mảnh nilon màu hồng gói thành 06 gói (trong đó có 02 gói, mỗi gói có 03 viên Methamphetamine, 02 gói mỗi gói có 02 viên Methamphetamine và 02 gói mỗi gói có 01 viên Methamphetamine). Sau khi gói ma túy xong, N cho tất cả số ma túy vào 01 lọ nhựa màu trắng có nắp đậy màu hồng và cất giấu trong túi quần bên phải đang mặc trên người. N khai nhận mục đích mua ma túy là để sử dụng và bán lẻ kiếm lời. N đã bán 03 lần ma túy cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Cách 05 ngày trước khi bị bắt, Lò Văn N đã bán 01 gói Heroine cho N1, thu được 50.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào khoảng 20 giờ ngày 14/3/2024 N đã bán 01 gói Heroine cho N1, thu được 50.000 đồng.

Lần thứ ba: Vào khoảng 07 giờ ngày 15/3/2024 tại nhà của N bán 01 gói Heroine cho Tòng Văn T, thu được 50.000 đồng.

Số tiền bán ma túy Lò Văn N đã chi tiêu cá nhân hết. Đến khoảng 08 giờ ngày 15/3/2024, Lò Văn N quay về nhà chuẩn bị lấy ma túy ra để sử dụng thì bị Công an xã M phát hiện, bắt quả tang.

Vật chứng khi bắt quả tang thu được: 10 gói nilon (09 gói nilon màu trắng, 01 gói nilon màu hồng) chứa chất bột trắng nghi là Heroine và 06 gói nilon màu hồng chứa 12 viên nén màu hồng nghi là Methamphetamine.

Tại Biên bản mở niêm phong vật chứng, cân khối lượng, lấy mẫu giám định và Kết luận giám định số: 564/KL-KTHS, ngày 21/3/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Tổng khối lượng chất bột màu trắng thu giữ của Lò Văn N là 0,9 gam là chất ma túy loại Heroine, sau giám định hoàn lại 0,83 gam Heroine. Tổng khối lượng 12 viên nén màu hồng thu giữ của Lò Văn N là 1,07 gam là chất ma túy loại Methamphetamine, hoàn lại 0,95 gam Methamphetamine sau giám định.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra chưa điều tra làm rõ được người đàn ông dân tộc Mông tên là Vàng A S ở bản P, xã P, huyện Đ theo lời khai của bị cáo Lò Văn N là người đã bán ma túy cho bị cáo vào ngày 14/3/2024 do trên địa bàn bản P, xã P, huyện Đ không có ai tên là Vàng A S.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã điều tra làm rõ N1 và Tòng Văn T có hành vi mua ma túy của bị cáo Lò Văn N và đã sử dụng hết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đối với Lò Văn N1 và Tòng Văn T bằng hình thức cảnh cáo.

Tại Cáo trạng số 66/CT-VKSĐBĐ ngày 24/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Lò Văn N về tội: "*Mua bán trái phép chất ma túy* " theo Điểm b Khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lò Văn N về tội danh và điều luật, đề nghị Hội

đồng xét xử: Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 251, Điều 38; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn N 07 năm 03 tháng tù đến 07 năm 06 tháng tù. Về vật chứng vụ án đề nghị áp dụng Điểm a, c Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, tiêu hủy 0,83 gam Heroine và 0,95 gam Methamphetamine còn lại sau giám định và 09 mảnh nilon màu trắng, 07 mảnh nilon màu hồng, 01 lọ nhựa hình trụ tròn màu trắng có nắp đậy màu hồng. Truy thu của bị cáo Lò Văn N 150.000đ sung quỹ Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với truy tố của Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản áp dụng cũng như phân tích về tính chất hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo của đại diện Viện kiểm sát. Người bào chữa phân tích thêm về hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình, một mình nuôi bố già 90 tuổi và con nhỏ 10 tuổi để cho bị cáo mức án thấp nhất khung hình phạt, không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Anh Lò Văn N1 vắng mặt tại phiên tòa, lời khai trong hồ sơ thể hiện anh N1 đã 02 lần mua Heroine của bị cáo Lò Văn N, lần thứ nhất cách ngày N bị bắt khoảng 05 ngày, Lò Văn N1 nhờ N đến nhà sửa đường dây điện, tại nhà của N1, N bán cho N1 01 gói Heroine với giá 50.000 đồng, N1 đã sử dụng hết. Lần thứ hai vào ngày 14/3/2024, N1 đi bộ đến nhà N hỏi mua được 01 gói Heroine với giá 50.000 đồng, sau đó N1 đã sử dụng hết. Ngày 06/6/2024 N1 đã bị Công an huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo.

Anh Tòng Văn T vắng mặt tại phiên tòa, lời khai trong hồ sơ thể hiện: Khoảng 07 giờ ngày 15/3/2024 anh T đã mua được 01 gói Heroine với giá 50.000 đồng của Lò Văn N tại nhà của N. Sau khi mua được Heroine anh T đã sử dụng hết. Ngày 06/6/2024, anh T đã bị Công an huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận gì thêm với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét hành vi của bị cáo Lò Văn N bị truy tố thấy rằng:

Tại phiên tòa bị cáo Lò Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố. Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 15/3/2024; Biên bản niêm phong vật chứng, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng và lấy mẫu giám định, lời khai của Lò Văn N1, Tòng Văn T là người đã mua ma túy của bị cáo; Kết luận giám định, Kết luận điều tra, các bản cung và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định: bị cáo Lò Văn N đã ba lần bán trái phép chất ma túy trong đó hai lần bán cho Lò Văn N1, sinh năm 1966, trú tại bản N, xã P, mỗi lần một gói Heroine giá 50.000đ. Một lần bán trái phép chất ma túy cho Tòng Văn T, sinh năm 1979, trú tại bản P, xã M một gói Heroine thu lợi 50.000đ.

Số ma túy còn lại chưa kịp sử dụng và bán bị thu giữ là 0,9gam Heroine và 1,07 gam Methamphetamine.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy bản thân bị cáo Lò Văn N là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được tác hại chất ma túy đối với sức khỏe con người, sự nghiêm cấm của pháp luật về hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhưng vẫn cố ý vi phạm mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần (03 lần), mỗi lần đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Hành vi đó của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quy định quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, nên phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điểm b Khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo Lò Văn N là đúng pháp luật, không oan sai.

[2]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

Hành vi mua bán nhiều lần trái phép chất ma túy của bị cáo Lò Văn N là hành vi nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, hành vi đó của bị cáo đã tiếp tay hủy hoại sức khỏe đồng loại, làm mất ổn định an toàn xã hội cần xử lý nghiêm minh.

[3]. Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

Bản thân bị cáo không có tiền án, tiền sự, thiếu ý thức chấp hành pháp luật, biết rõ tác hại của chất ma túy, sự nghiêm cấm của pháp luật nhưng vẫn cố ý mua sử dụng và bán lẻ thu lợi bất chính nhiều lần cho nên bị cáo sẽ phải chịu trách nhiệm do hành vi của mình đã thực hiện.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình; có bố đẻ là Lò Văn Á có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba; bản thân của bị cáo là lao động chính trong gia đình một mình nuôi bố già 90 tuổi và con nhỏ 10 tuổi đây là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, phân tích đề xuất về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ của người bào chữa cho bị cáo là có căn cứ cần chấp nhận.

[4]. Về hình phạt:

Hình phạt chính: Từ phân tích về hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự nhưng bị cáo là người nghiện ma túy, gia đình thuộc hộ nghèo khó có khả năng thi hành án do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo như đề xuất của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa cho bị cáo.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định

của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa anh Lò Văn N1, anh Tòng Văn T vắng mặt nhưng đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ, không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh N1, anh T theo Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng vụ án: Đối với 0,83 gam Heroine và 0,95 gam Methamphetamine còn lại sau giám định là chất nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành và 09 mảnh nilon màu trắng, 07 mảnh nilon màu hồng, 01 lọ nhựa hình trụ tròn màu trắng có nắp đậy màu hồng dùng để đựng chất ma túy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo Điểm a, c Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo thu lợi bất chính từ hành vi bán trái phép chất ma túy 150.000đ, đã chi tiêu cá nhân hết nên cần truy thu sung ngân sách nhà nước.

[7]. Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn thuộc diện được miễn án phí hình sự sơ thẩm và tại phiên tòa bị cáo xin miễn án phí hình sự sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[8]. Về các vấn đề khác trong vụ án: Cơ quan điều tra đã điều tra làm rõ hành vi của của Lò Văn N1, sinh năm 1966, địa chỉ: bản N, xã P, huyện Đ và Tòng Văn T, sinh năm 1979, địa chỉ: bản P, xã M, huyện Đ mua trái phép chất ma túy của bị cáo Lò Văn N đã sử dụng hết nên bị xử phạt cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Cơ quan điều tra chưa điều tra làm rõ được người đàn ông tên Vàng A S, trú tại bản P, xã P, huyện Đ theo lời khai của bị cáo Lò Văn N là người đã bán ma túy cho bị cáo vào ngày 14/3/2024 do trên địa bàn bản P, xã P, huyện Đ không có ai tên là Vàng A S. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 251; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn N(Không có tên gọi khác) phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*". Xử phạt bị cáo Lò Văn N 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/3/2024.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điểm a, Điểm c Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điểm a, Điểm c Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự

- Tịch thu, tiêu hủy: 0,83 gam Heroine, 0 95 gam Methamphetamine (còn lại sau giám định) và 09 mảnh nilon màu trắng, 07 mảnh nilon màu hồng, 01 lọ nhựa hình trụ tròn màu trắng có nắp đậy màu hồng.

Vật chứng đã được bàn giao sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo biên bản giao nhận vật chứng vào ngày 25/6/2024 giữa cơ quan Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ.

- Truy thu của bị cáo Lò Văn N 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

4. Căn cứ vào Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/7/2024).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Nhà tạm giữ C.A huyện Đ;
- Cơ quan CSĐT C.A huyện Đ;
- Phòng KTNV&THA TA tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan THAHS C.A tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- CC.THADS huyện Đ;
- Lưu: Hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nga